

Số: *16* /NQ-HĐND

Hà Nam, ngày 13 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về việc sáp nhập thôn, xóm, tổ dân phố
trên địa bàn huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHÓA XVIII - KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Chương trình hành động số 54-Ctr/TU ngày 31/01/2018 của Tỉnh ủy Hà Nam thực hiện các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII của Đảng;

Xét Tờ trình số 1801/TTr-UBND ngày 05/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sáp nhập, đặt tên, đổi tên thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận, thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thực hiện sáp nhập, đặt tên, đổi tên thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn 16/19 xã, thị trấn huyện Bình Lục, trong đó sáp nhập 143 thôn, xóm, tổ dân phố để thành lập 55 thôn, xóm, tổ dân phố mới; đổi tên 05 thôn, tổ dân phố. (*chi tiết như phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Đồng thời chỉ đạo tiếp tục rà soát giải quyết các thủ tục liên quan để đề xuất sáp nhập các thôn, tổ dân phố còn lại chưa đạt các tiêu chí theo quy định.

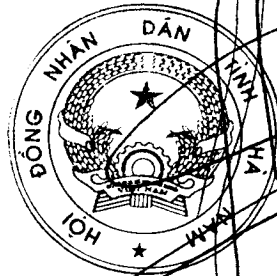
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVIII thông qua tại kỳ họp thứ sáu, ngày 13 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- BTV Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Tổ đại biểu, Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Sỹ Lợi



PHỤ LỤC
Sáp nhập, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố thuộc các xã, thị trấn,
trên địa bàn huyện Bình Lục
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND
ngày 13 tháng 7 năm 2018 của HĐND tỉnh Hà Nam)

TT	Thôn, TDP thực hiện sáp nhập, đặt tên, đổi tên	Tên thôn, TDP mới	Thôn, TDP sau sáp nhập		
			Diện tích tự nhiên (ha)	Tổng số hộ	Tổng số nhân khẩu
I	Xã Tràng An				
1	Xóm 3 + Xóm 4	Thôn Mỹ Duệ	64,53	426	1.349
1	Xóm 5 + Xóm 6	Thôn Bãi Vĩnh	69,75	480	1.656
3	Xóm 7 + Xóm 8	Thôn Cương Thôn	53,84	405	1.480
4	Đội 1 + Đội 2 + Đội 3 + Đội 4	Thôn Ô Mễ	133,03	738	2.496
5	Đội 5 + Đội 6 + Đội 7	Thôn Dân Khang Ninh	91,53	447	1.673
6	Đội 8 + Đội 9 + Đội 10 + Đội 11	Thôn Hòa Thái Thịnh	107,59	525	1.790
II	Xã Bình Nghĩa				
1	Xóm 1 Ngô Khê + Xóm 2 Ngô Khê	Thôn 1 Ngô Khê	70,96	541	1.671
2	Xóm 3 Ngô Khê + Xóm 4 Ngô Khê	Thôn 2 Ngô Khê	83,77	551	1.917
3	Xóm 7 Ngô Khê + Xóm 8 Ngô Khê	Thôn 4 Ngô Khê	79,98	546	1.810
4	Xóm 1 Cát Lại + Xóm 2 Cát Lại	Thôn 1 Cát Lại	74,24	537	1.821
5	Xóm 3 Cát Lại + Xóm 4 Cát Lại	Thôn 2 Cát Lại	64,63	492	1.629
6	Xóm 5 Cát Lại + Xóm 6 Cát Lại	Thôn 3 Cát Lại	67,06	558	1.737
7	Xóm 8 Cát Lại + Xóm 9 Cát Lại	Thôn 5 Cát Lại	69,05	478	1.677
8	Đổi tên xóm 7 Cát Lại	Thôn 4 Cát Lại	41,27	314	1.107
III	Xã Đồng Du				
1	Xóm 1 An Bài + Xóm 2 An Bài + Xóm 3 An Bài	Thôn An Bài 1	130,4	429	1.394
2	Xóm 4 An Bài + Xóm 5 An Bài + Xóm 6 An Bài	Thôn An Bài 2	142,2	541	1.716
3	Thôn Ngoại + Xóm Đông + Xóm Đền + Xóm Chùa	Thôn Đồng Tâm	139,49	446	1.448
IV	Xã Đôn Xá				
1	Thôn Thanh Nghĩa	Thôn Thanh Hòa	178,43	415	1.430

	+ Thôn Hòa Mục + Xóm Âm				
2	Thôn Tiên Lý 1 + Thôn Tiên Lý 2	Thôn Tiên Lý	178,42	546	1.587
3	Thôn Bò Xá + Thôn Đạo Truyền + Thôn Đa Tài	Thôn Đa Bò Đạo	251,73	492	1.698
V	Xã An Mỹ				
1	Thôn Cao Cái + Thôn Cát Tường	Thôn Cao Cát	218,63	606	2.008
VI	Xã Mỹ Thọ				
1	Thôn La Cầu + Thôn An Dương	Thôn Tân An	240,325	432	1.584
VII	Xã Tiêu Động				
1	Xóm Cản + Xóm Kiếm	Thôn Tiêu Hạ Bắc	74,5	501	1.738
2	Xóm Liêm + Xóm Chính + Xóm Trung + Xóm Trục	Thôn Tiêu Hạ Nam	123,5	707	2.402
VIII	Xã An Lão				
1	Thôn Phú Mỹ + Thôn Bối Thủy	Thôn Phú Thủy	134,64	401	1.205
2	Thôn Lan + Thôn Dương	Thôn Lan Dương	138,19	412	1.432
IX	Xã An Đổ				
1	Thôn An Đổ + Thôn Cao Dương	Thôn An Cao	183,55	481	1.794
2	Thôn Cao + Thôn Vượt + Thôn Trung + Thôn Thượng	Thôn Mạnh Chư	190,1	495	1.529
3	Thôn Giải Tây + Thôn Giải Đông	Thôn Phù Tái	169,7	632	2.100
X	Xã An Nội				
1	Thôn Cát + Thôn Tía Sông + Thôn Đội + Thôn Điền	Thôn 1	208,659	713	2.282
2	Thôn Chùa 5 + Thôn Chùa 9 + Thôn Đình 6 + Thôn Đông 7 + Thôn Đông 8	Thôn 2	164,689	653	2.131
3	Thôn An Lã + Thôn Câu Trung + Thôn Gòi Hạ	Thôn 4	123,922	468	1.570
4	Thôn Trung Lang + Thôn Đồng Vạn + Thôn Hòa Hợp + Thôn Đồng Bùi + Thôn Duyệt Hạ	Thôn 5	155,78	524	1.639
XI	Xã Hưng Công				
1	Xóm 6 + Xóm 7-8	Thôn Đội 3	158,723	451	1.661
2	Thôn Đông + Thôn Thưa	Thôn Đội 4	136,196	406	1.620
3	Thôn Bùi + Thôn Hàn Mạc	Thôn Đội 5	162,616	461	1.783
4	Đổi tên thôn Cổ Viễn	Thôn Đội 2	105,344	321	1.324
XII	Xã Ngọc Lũ				
1	Thôn Đội 1 + Thôn Đội 12	Thôn Đội 1	46,16	468	1.900

2	Thôn Đội 2 + Thôn Đội 3	Thôn Đội 2	47,25	409	1.529
3	Thôn Đội 4 + Thôn Đội 5	Thôn Đội 3	42,96	401	1.521
4	Thôn Đội 8 + Thôn Đội 11	Thôn Đội 5	35,44	444	1.558
XIII	Xã BỒ ĐỀ				
1	Thôn 1 + Thôn 2	Thôn 1	107,7	538	1.621
2	Thôn 3 + Thôn 4	Thôn 2	158,9	454	1.436
3	Thôn 7 + Thôn 8	Thôn 4	214,5	537	1.688
4	Thôn 9 + Thôn 10 + Thôn 11	Thôn 5	174,6	490	1.522
XIV	Xã VỤ BẢN				
1	Thôn Miếu + Thôn Tiền + Thôn Hậu	Thôn 1	133,55	436	1.321
2	Thôn Bắc + Thôn Liễm + Thôn Đông Thành	Thôn 2	113,66	474	1.624
3	Thôn Đa Côn + Thôn Trung + Thôn Đông Tự	Thôn 3	131,9	624	2.013
4	Thôn Hưng Vượng + Thôn Độ Việt + Thôn Văn An	Thôn 4	88,55	430	1.304
5	Thôn Nãi Văn + Thôn Xuân Mai + Thôn Gia Hội	Thôn 5	98,08	440	1.284
6	Thôn Đoài + Thôn Nam Đoài + Thôn Nam	Thôn 6	100,43	492	1.491
7	Thôn Đồng Quê + Thôn Chính Bản	Thôn 7	92,24	444	1.366
XV	Xã AN NINH				
1	Thôn 1 + Thôn 2	Thôn An Thuận	104	506	1.712
2	Thôn 3 + Thôn 4	Thôn An Tâm	113	500	1.625
3	Thôn 5 + Thôn 6 + Thôn 7	Thôn An Phong	103	549	1.728
4	Thôn 8 + Thôn 9	Thôn An Tiến	105	484	1.537
XVI	Thị trấn BÌNH MỸ				
1	Tiểu khu Bình Giang + Tiểu khu Bình Minh + Tiểu khu Bình Long	TDP Bình Long	102,69	680	2.409
2	Đổi tên tiểu khu Bình Thành	TDP Bình Thành	33,3	253	765
3	Đổi tên tiểu khu Bình Thắng	TDP Bình Thắng	34,55	407	1.389
	Đổi tên tiểu khu Bình Thuận	TDP Bình Thuận	40,91	326	1.214

Tổng số:

- Sáp nhập, đặt tên 143 thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn của 16/19 xã, thị trấn thuộc huyện Bình Lục để thành lập 55 thôn, xóm, tổ dân phố mới;
- Đổi tên **05** thôn, tổ dân phố./.